| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN VĨNH TƯỜNG**<br>**TỈNH VĨNH PHÚC** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 18 /2019/HS-ST
Ngày 29 tháng 3 năm 2019

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG - TỈNH VĨNH PHÚC**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Minh Bình

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Thế Lực

Bà Lê Thị Bích Hậu

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hải – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Đạo - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 03 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 10/2019/HSST ngày 21 tháng 02 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:17/2019/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 03 năm 2019 đối với bị cáo:

Lê Văn A sinh ngày 20 tháng 01 năm 1984; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn B - xã V - huyện V - tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn N (đã chết) và bà Phạm Thị T; có vợ là Đinh Thị H, sinh năm 1988 và có 04 con (lớn sinh năm 2008 nhỏ sinh năm 2018); tiền sự, tiền án: Không; bị cáo tại ngoại (có mặt)

Người bị hại: Anh Phan Văn C, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Chị Đào Thị P, sinh năm 1990 (vợ anh C vắng mặt)

Nơi cư trú: Đều ở khu 3 thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Trịnh Văn T, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 5, xã H, huyện T, thành phố Hà Nội

Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 2001 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 1, xã H, huyện T, thành phố Hà Nội

Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm D, xã S, thị xã S, thành phố Hà Nội

Chị Đinh Thị H, sinh năm 1988 (vợ bị cáo Anh có mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 09/11/2018, Lê Văn A ở thôn B, xã V, huyện V điều khiển xe mô tô BKS: 88S8- 4707 từ nhà đến thị trấn V, huyện V với mục đích xem ai sơ hở để trộm cắp tài sản. Khi đến thị trấn V, A để xe mô tô ở gần bến xe buýt sát với UBND huyện V, sau đó A quan sát thấy cửa hàng điện thoại di động Quang Thuỷ của anh Phan Văn C ở tổ dân phố Đ, thị trấn V. A thấy cửa hàng đóng khóa ngoài biết là không có người nên A đi vào trong ngõ trèo lên tường rào phía sau nhà bán hàng tạp hóa sát với ngõ rồi đi lên tường rào sang phía sau quán của anh C. Khi đến mái quán của anh C, A quan sát thấy tường phía sau nhà và mái nhà có khe hở nên dùng tay cạy 02 viên gạch trên cùng sát với mái nhà để khoảng cách giữa tường và mái nhà rộng ra, rồi chui vào nhà qua khe hở. Khi vào được bên trong A đi ra quầy bán hàng phía trước, thấy tủ kính thứ 2 từ phía trong nhà đi ra có nhiều điện thoại di động đang bày bán, thấy vậy A đi vào phía trong quầy bán hàng dùng tay phải kéo kính lấy 07 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone các loại gồm: Một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu hồng, số Imei 355312080507171; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s Plus màu hồng, số Imei 355733071606054; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus màu vàng, số Imei 355735072975677; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu trắng - xám, số Imei 355414070671551; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu trắng - xám, số Imei 355312080507171; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu trắng- xám, số Imei 353266076883420 và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu hồng, số Imei 355763072097060. Sau khi lấy được 07 chiếc điện thoại trên A để 07 chiếc điện thoại trong túi quần đang mặc, rồi đi qua phòng ngủ nhà anh C mở cửa ra phía sau trèo tường ra ngoài. Ngày 12/11/2018 Anh đem bán toàn bộ số điện thoại di động trên cụ thể, Anh bán 06 chiếc điện thoại cho cửa hàng điện thoại Cường Thịnh do anh Nguyễn Anh T ở xã S, thị xã S, thành phố Hà Nội làm chủ gồm 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu hồng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus màu vàng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu trắng- xám; 01 chiếc điện thoại

di động nhãn hiệu Iphone 6S màu trắng- xám; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu trắng- xám; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu hồng được 26.000.000đ. A bán 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s Plus màu hồng số Imei 355763072097060 cho cửa hàng điện thoại Tuấn Còi do anh Trịnh Văn T ở xã H, huyện T, thành phố Hà Nội được 6.000.000đ. Quá trình kinh doanh anh T đã bán chiếc điện thoại di động trên cho anh Nguyễn Ngọc T ở xã H, huyện T, thành phố Hà Nội được 6.250.000đ. Số tiền bán điện thoại A đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết, sau khi bị mất tài sản anh C đã trình báo Cơ quan Công an về việc bị mất trộm số tài sản trên.

Ngay sau khi nhận được tin báo, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Tường đã phối hợp với cơ quan chức năng tiến hành khám nghiệm hiện trường, đồng thời rà soát triệu tập Lê Văn A lên làm việc. Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Tường đã thu giữ được 07 chiếc điện thoại di động mà Lê Văn A trộm cắp của anh Phan Văn C ngày 09/11/2018, do anh T và anh T tự nguyện giao nộp.

Ngày 24/11/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Tường đã yêu cầu Hội đồng định giá tài sản huyện Vĩnh Tường định giá tài sản là 07 chiếc điện thoại di động Lê Văn A trộm cắp của anh C. Cùng ngày, Hội đồng định giá tài sản huyện Vĩnh Tường đã kết luận, tổng giá trị 07 chiếc điện thoại nêu trên là 36.200.000đồng.

Ngày 24/11/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Tường đã thực nghiệm điều tra hành vi trộm cắp của Lê Văn A, quá trình thực nghiệm Lê Văn A đã diễn tả lại toàn bộ diễn biến quá trình đột nhập vào cửa hàng điện thoại của anh Phan Văn C trộm cắp 07 chiếc điện thoại di động phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại cơ quan điều tra Lê Văn A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Cáo trạng số 15/CT-VKS-VT ngày 19/02/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường truy tố Lê Văn A về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát trình bày lời luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự phạt bị cáo Lê Văn A từ 15 tháng đến 18 tháng tù nhưng

cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Vĩnh Tường, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung: Tại phiên tòa Lê Văn A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ như biên bản hỏi cung, lời khai của bị cáo, bản tự kiểm điểm, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, biên bản khám nghiệm hiện trường và tang vật đã thu được. Như vậy có đủ cơ sở kết luận khoảng 11 giờ 30 phút ngày 09/11/2018, Lê Văn A đã đột nhập vào cửa hàng điện thoại của anh Phan Văn C ở tổ dân phố Đ, thị trấn V lấy trộm 07 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone các loại trị giá 36.200.000đ. Sau khi lấy trộm được điện thoại A đem bán cho anh Nguyễn Anh T 06 điện thoại di động được 26.000.000đ và bán 01 chiếc điện thoại di động cho anh Trịnh Văn T được 6.000.000đ. Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Tường đã thu giữ được 07 chiếc điện thoại di động và đã trả lại cho anh C, nhận lại tài sản anh C không yêu cầu bồi thường gì. Như vậy có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Anh đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" được qui định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:“Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Xét tính chất vụ án ít nghiêm trọng, nhưng động cơ phạm tội của bị cáo Anh là tham, tư lợi cho bản thân do không có tiền để chi tiêu nên đã bất chấp pháp luật để thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo rất liều lĩnh táo bạo, trắng trợn đã lợi dụng sự sơ hở của vợ chồng anh C để lấy trộm 07 chiếc điện thoại

di động nhãn hiệu Iphone các loại trị giá 36.200.000đ của vợ chồng anh C. Như vậy bị cáo đã xâm hại quyền về tài sản được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội ở địa phương gây tâm lý lo lắng trong quần chúng nhân dân. Vì vậy phải xử lý nghiêm minh đối với bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa C.

[3]. Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản đã thu hồi và trả cho người bị hại. Mặt khác A đã trả tiền cho anh T, anh T và người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều của Bộ luật hình sự. Bị cáo nhất thời phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, có nơi cư trú rõ ràng. Do vậy chỉ cần áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo cũng là cơ hội để bị cáo sửa chữa lỗi lầm phấn đấu thành công dân tốt có ích cho xã hội thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định: "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng". Bị cáo làm nghề tự do, thu nhập chính là làm nông nghiệp lẽ ra phải phạt tiền đối với bị cáo nhưng xét thấy bị cáo ở C với bố mẹ, không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Tại cơ quan điều tra anh Phan Văn C thừa nhận, sau khi sự việc xẩy ra ngày 16/01/2019 Cơ quan điều tra đã trả cho vợ chồng anh 07 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone các loại, nhận lại tài sản vợ chồng anh không có yêu cầu đề nghị gì.

[6]. Đối với anh Nguyễn Anh T, anh Trịnh Văn T là những người mua 07 chiếc điện thoại di động của Lê Văn A. Quá trình điều tra xác định khi anh Trình, anh T mua điện thoại của A, các anh không biết đó là tài sản do A trộm cắp mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Tường không đề cập xử lý. Quá trình điều tra anh Trình yêu cầu Lê Văn A bồi thường cho anh 26.000.000đ, anh Tuấn yêu cầu Lê Văn A bồi thường cho anh 6.000.000đ là tiền Nguyễn Anh T, anh Trịnh Văn T trả cho A khi mua điện thoại, ngày 28/03/2019 A đã trả số tiền trên cho Nguyễn Anh T, anh Trịnh Văn T.

Đối với anh Nguyễn Ngọc T là người mua 01 điện thoại di động của anh Trịnh Văn T là chiếc điện thoại anh Tuấn mua của Lê Văn A. Quá trình điều tra xác

định anh T không biết chiếc điện thoại đó là tài sản do người khác trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý. Sau khi giao nộp chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6s Plus màu hồng, anh Thế đã được anh Trịnh Văn T hoàn trả 6.250.000đ nhận lại tiền anh T không có yêu cầu đề nghị gì.

Đối với anh Hà Văn L ở xã N, huyện V là người mua chiếc xe mô tô BKS 88S8- 4707 của Lê Văn A, anh L không biết đó là xe do A dùng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Tường không đề cập xử lý.

[6]. Về vật chứng của vụ án: Đối với chiếc xe mô tô BKS 88S8- 4707 mà Lê Văn A dùng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản, sau khi thực hiện hành vi trộm cắp điện thoại và đi bán điện thoại A đã bán chiếc xe mô tô trên cho anh Hà Văn L ở xã N, huyện V được 13.000.000đ và sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Sau đó anh Lộc lại bán chiếc xe trên cho một người không rõ tên tuổi địa chỉ, quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của Lê Văn A. Tại phiên tòa bị cáo A và chị Đinh Thị H (vợ A) cũng thừa nhận, chiếc xe mô tô trên là tài sản riêng của A không phải tài sản C của A và chị H. Do vậy không cần truy thu số tiền 13.000.000đ mà A đã bán chiếc xe mô tô trên để sung quỹ Nhà nước.

Đối với 07 chiếc điện thoại di động mà Lê Văn A đã trộm cắp được, quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của vợ chồng anh Phan Văn C, chị Đào Thị Phượng. Ngày 16/01/2019 Cơ quan điều tra đã trả lại cho vợ chồng anh C số điện thoại trên, nhận lại tài sản vợ chồng anh C không có yêu cầu đề nghị bồi thường gì khác.

[7]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Lê Văn A phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173 điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Lê Văn A phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn A 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách là 03 (ba) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Văn A cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người

được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự. Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Văn A phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***
- VKSND huyện V;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Công an huyện V;
- CCTHADS huyện V;
- Bị cáo A;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Đỗ Thị Minh Bình**